

Bản án số: 126/2018/HSST
Ngày 09 tháng 10 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thu Hương;

2. Bà Phạm Thị Thư;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hứa Thị Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2018/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2018/QĐXXST-HS ngày 20/9/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Minh D**, sinh năm 1991; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: số nhà 13, ngách 03, ngõ 134, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 09/12; con ông Phạm Minh T, sinh năm 1964 và bà Lê Thị T, sinh năm 1968; Gia đình bị cáo có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: chưa có;

Tiền án:

+ Tại bản án số 275/2013/HSST ngày 12/11/2013, Tòa án nhân dân thành phố B xử 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (Chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự).

+ Tại bản án số 219/2014/HSST ngày 26/9/2014, Tòa án nhân dân thành phố B xử 10 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản" (chưa thi hành phần án phí hình sự sơ thẩm và chưa nộp số tiền do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước)

- Tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

***Người bị hại:** Anh Phạm Ngọc Đ, sinh ngày 30/10/2003.

Địa chỉ: Số nhà 08, ngõ 142, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Đ: bà Trần Thị N, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số nhà 08, ngõ 142, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 20, khu C8, phường Hoàng Văn T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Hán Văn H, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 79, đường Đ, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Hà Thị Hiếu T, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 02, ngõ 914, đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Hà Thị Thu H, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: P4, C46, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 26/5/2018 Phạm Minh D, sinh năm 1991; trú tại số nhà 13, ngách 03, ngõ 134, đường L, phường L, thành phố B từ nhà đi đến quán game ở số 94, ngõ 134, đường L, phường L, thành phố B để chơi điện tử. Khi đến nơi, D nhìn thấy trước cửa quán có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn trắng- bạc- đen không đeo biển kiểm soát của anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 2003 trú tại số nhà 08, ngõ 142, đường T, phường L, thành phố B. Thấy chiếc xe không có người trông coi nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D đi vào trong quán ngồi chơi được khoảng 05 phút thì thấy anh Đ cầm chìa khóa đi ra xe lấy bật lửa trong cốp rồi lại đi vào trong quán ngồi chơi điện tử và để chùm chìa khóa cùng bật lửa trên mặt bàn. Qua quan sát, D biết đó là xe của anh Đ và thấy cạnh chùm chìa khóa của Đ có bật lửa nên đã đến chỗ anh Đ hỏi mượn chiếc

bật lửa. Thấy anh Đ không nói gì và không chú ý, D liền dùng tay phải lấy cả chùm chìa khóa và chiếc bật lửa rồi đi ra ngoài. D đi đến chiếc xe dùng chìa khóa vừa lấy mở khóa điện rồi điều khiển xe bỏ chạy ra đường tỉnh 293 rồi rẽ vào đường tỉnh 299 đi về hướng huyện Y. Khi đi đến đoạn đường thuộc địa phận xã T, huyện Y thì D dừng lại, mở cốp xe thấy bên trong có chiếc biển kiểm soát 29B1-234.19 và 01 chiếc cờ lê một đầu 10, một đầu 12. D ném chiếc biển kiểm soát và chiếc cờ lê xuống mương nước rồi tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô trên đến khu vực thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trên đường đi, D có gọi điện cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993, trú tại thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để nhờ tìm người cầm cố chiếc xe. Khi D gặp anh T ở khu vực cầu B, anh T dẫn D đến hiệu cầm đồ của anh Hán Văn H, sinh năm 1973, trú tại số 79, đường Đ, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, D đặt vấn đề cầm cố chiếc xe cho anh T, anh T đồng ý nhận cầm cố và đưa cho D số tiền 3.000.000 đồng, anh T mượn một mẫu giấy vay tiền của anh H để D tự viết nội dung vay 3.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô làm tin. Số tiền cầm cố chiếc xe có được, D khai đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 27/5/2018, anh Phạm Ngọc Đ có đơn trình báo Công an thành phố B.

Cùng ngày 27/5/2018, Phạm Minh D đến Công an thành phố B đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, imeil: 352068098423883. Cơ quan điều tra truy tìm vật chứng, kết quả thu giữ 01 biển kiểm soát 29B1-234.19 và 01 cờ lê một đầu 10, một đầu 12, tại khu vực mương nước thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện Y.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐG ngày 31/5/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu sơn trắng- bạc- đen, biển kiểm soát 29B1-234.19 đã qua sử dụng có giá trị là 10.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Minh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số 127/CT-VKS ngày 10/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Phạm Minh D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Minh D đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

- Bị hại là anh Phạm Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Tối ngày 26/5/2018 anh có mượn của anh Nguyễn Văn T một chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu trắng-bạc-đen BKS 29B1-234.19 để đi đến quán game ở số 94, ngõ 134, đường L, phường L, thành phố B để chơi

điện tử, khi đến nơi anh dựng xe ở ngoài và cầm chìa khóa vào để ở bàn chơi điện tử, một lúc sau anh không nhìn thấy chìa khóa trên bàn nên đi ra kiểm tra thì không thấy xe đâu nên đã trình báo công an. Đến nay anh T đã chuộc lại xe và không yêu cầu gì nên anh cũng không có yêu cầu gì đối với bị cáo D phải bồi thường về dân sự.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai như sau:

- Anh Nguyễn Văn T trình bày: Chiếc xe mô tô BKS 29B1-234.19 là của chị Hà Thị Hiếu T cầm cố cho anh để vay tiền. Trong thời gian anh quản lý thì ngày 26/5/2018 anh Phạm Ngọc Đ mượn anh chiếc xe trên và nói là đi có việc một lát, nhưng sau đó anh Đ gọi điện thông báo là đã bị mất trộm, qua tìm hiểu anh được biết chiếc xe đó đang do anh Nguyễn Văn T giữ, anh đã chuộc lại xe và nộp cho cơ quan Công an để phục vụ điều tra. Đến nay chiếc xe này chị Hiếu T đã nhận lại nên anh không có yêu cầu gì về dân sự.

- Chị Hà Thị Hiếu T trình bày: Chiếc xe mô tô BKS 29B1-234.19 là của chị mua nhưng có nhờ em gái chị là Hà Thị Thu H đứng tên trên đăng ký xe, ngày 26/5/2018 do cần tiền nên chị có vay của anh T một số tiền và để xe lại làm tin, sau đó anh T có nói với chị là xe đã bị mất trộm. Đến nay, chị đã được cơ quan Công an giao cho chị chiếc xe trên. Do vậy, chị không có yêu cầu hay đề nghị gì.

- Chị Hà Thị Thu H trình bày: Chị là em gái của chị Hiếu T, chiếc xe mô tô BKS 29B1-234.19 do chị đứng tên nhưng thực tế chiếc xe này là do chị Hiếu T mua, chị xác định không có liên quan gì và không đề nghị gì.

- Anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và D có quen nhau từ trước, tối ngày 26/5/2018 D có hẹn gặp anh và nhờ anh đưa đi cầm cố một chiếc xe mô tô, do là quen biết nên anh đã đưa D đến nhà anh Hán Văn H để cầm xe vay tiền nhưng anh H không đồng ý. D nói là đang cần tiền nên anh đã đồng ý cho D vay 3.000.000đ và D đã để chiếc xe mô tô BKS 29B1-234.19 cho anh cầm để làm tin, anh không biết xe do D trộm cắp, đến ngày 29/5/2018 anh Nguyễn Văn T đã đến gặp anh và chuộc lại chiếc xe này. Nay anh không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX:

- 1, Tuyên bố bị cáo Phạm Minh D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
- 2, Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 5; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Minh D từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 27/5/2018.

3, Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, đại diện cho người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4, Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu xung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, có imeil: 352068098423883.

Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc cờ lê một đầu 10, một đầu 12.

5, Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về sự vắng mặt của người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Người bị hại là anh Phạm Ngọc Đ và người đại diện hợp pháp của anh Đ là bà Trần Thị N đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Hà Thị Hiếu T, Hà Thị Thu H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T và Hán Văn H đều vắng mặt không có lý do nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người liên quan theo khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3]. Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vật chứng thu giữ được đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 26/5/2018, tại quán điện tử tại địa chỉ số 94, ngõ 134, đường L, phường L, thành phố B, Phạm Minh D có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu sơn trắng- bạc- đen, biển kiểm soát 29B1-234.19 đã qua sử dụng có giá trị là 10.000.000 đồng của anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 2003; trú tại số nhà 08, ngõ 142, đường T, phường L, thành phố B. Bị cáo Duy đã có 2 tiền án chưa được xóa án tích nay tiếp tục thực hiện tội phạm do lỗi cố ý, vì vậy bị cáo Phạm Minh D bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2

điều 173 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân cũng như gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải sửa nay lại thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” chứng tỏ bị cáo là đối tượng khó giáo dục và coi thường pháp luật. Do vậy cần phải cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã có 02 tiền án: Tại Bản án số 275/2013/HSST ngày 12/11/2013, Tòa án nhân dân thành phố B xử 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Tại bản án số 219/2014/HSST ngày 26/9/2014, Tòa án nhân dân thành phố B xử 10 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản".

[5]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đầu thú và trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phía bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại chưa đủ 16 tuổi nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với tiền án chưa được xóa án tích: Mặc dù bị cáo đã có 2 tiền án nhưng các tiền án đó đã được xem xét là tình tiết định khung hình phạt nên các tiền án đó không được tính để xác định là tình tiết tăng nặng tại khoản 1 điều 52 đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chủ sở hữu, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T có hành vi nhận cầm có chiếc xe 29B1-234.19 nhưng anh Thuận không biết đó là xe do trộm cắp mà có nên anh Thuận không vi phạm pháp luật.

Đối với anh Hán Văn H: Mặc dù giấy vay tiền mang tên cửa hàng của anh Hán Văn H nhưng thực tế số tiền 3.000.000 đồng Duy vay của anh Thuận nên anh Huân không liên quan gì.

[9]. Về vật chứng của vụ án gồm: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave BKS 29B1-234.19 thuộc sở hữu của chị Hiếu T nên ngày 13/7/2018, Cơ quan điều tra trả lại chị Hà Thị Hiếu T chiếc xe nêu trên, đến nay chị Trung và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án không có ý kiến gì.

- Đối với 01 chiếc cờ lê một đầu 10, một đầu 12; đây là vật chứng của vụ án có giá trị sử dụng không lớn, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Minh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh D 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/5/2018.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, có imeil: 352068098423883.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cờ lê một đầu 10, một đầu 12.

(Vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 109/QĐ-VKS ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và biên bản giao nhận tài sản tạm giữ ngày 09/10/2018 giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Minh D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người đại diện hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS tỉnh Bắc Giang;
- VKS thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- CQ THADS TP B;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Văn Hải